

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 48 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18/02/2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 07/2014/TTLT-UBND-BNV ngày 22/12/2014 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tại Tờ trình số 23/TTr-BDT ngày 22/6/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 57/2011/QĐ-UBND ngày 07/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Dân tộc, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Dân tộc;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND, TT. MTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đinh Quốc Thái**

**QUY ĐỊNH**

**Về tổ chức và hoạt động của Ban Dân tộc tỉnh Đồng Nai**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4.8./2015/QĐ-UBND  
ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**Chương I**

**VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

**Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Ban Dân tộc là cơ quan chuyên môn ngang sở thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

2. Ban Dân tộc có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

**Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Chủ trì xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân tộc và nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

b) Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc.

c) Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Ban; Trưởng, Phó các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Chủ trì xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo các quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác dân tộc.

b) Dự thảo các văn bản quy định về quan hệ, phối hợp công tác giữa Ban Dân tộc với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Ban theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách thuộc lĩnh vực công tác dân tộc sau khi được phê duyệt; thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ban Dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số; chủ trì, phối hợp vận

đồng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, đề án, mô hình thí điểm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đặc thù, hỗ trợ ổn định cuộc sống cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ địa cách mạng và công tác định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện các chính sách, chương trình, dự án do Ủy ban Dân tộc chủ trì quản lý, chỉ đạo; theo dõi, tổng hợp, sơ kết, tổng kết và đánh giá việc thực hiện các chương trình, dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh; tham mưu đề xuất các chủ trương, biện pháp để giải quyết các vấn đề giảm nghèo, định canh, định cư đối với đồng bào dân tộc thiểu số và các vấn đề dân tộc khác liên quan đến chính sách dân tộc, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức tiếp đón, thăm hỏi, giải quyết các nguyện vọng của đồng bào các dân tộc thiểu số theo chế độ chính sách và quy định của pháp luật; định kỳ tham mưu tổ chức Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số các cấp của tỉnh; lựa chọn, đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng các tập thể và cá nhân tiêu biểu ở vùng dân tộc thiểu số có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, giữ gìn an ninh, trật tự và gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc đối với Phòng Dân tộc các huyện, thị xã Long Khánh (sau đây gọi chung là Phòng Dân tộc cấp huyện), công chức được bố trí làm công tác dân tộc đối với huyện chưa đủ điều kiện thành lập Phòng Dân tộc như huyện Nhơn Trạch và thành phố Biên Hòa và công chức giúp Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) quản lý nhà nước về công tác dân tộc.

8. Thực hiện hợp tác Quốc tế trong lĩnh vực công tác dân tộc được phân công theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước về dân tộc theo chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

10. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tiếp nhận những kiến nghị của công dân liên quan đến dân tộc, thành phần dân tộc, tên gọi, phong tục, tập quán các dân tộc thiểu số và những vấn đề khác về dân tộc, xem xét trình và chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

12. Tham gia phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các dự án, đề án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, tổ chức xây dựng có liên quan đến

lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

13. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc bố trí công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và công chức là người dân tộc thiểu số làm việc tại Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo cơ cấu thành phần dân tộc trên địa bàn tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án ưu tiên tuyển dụng sinh viên dân tộc thiểu số đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc thực hiện các chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số; biểu dương, tuyên dương học sinh, sinh viên tiêu biểu, xuất sắc là người dân tộc thiểu số đạt kết quả cao trong các kỳ thi.

14. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Văn phòng, các phòng chuyên môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban theo hướng dẫn của Ủy ban Dân tộc và theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Thực hiện công tác thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban Dân tộc và Ủy ban nhân dân tỉnh.

17. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

18. Thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

## **Chương II** **CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế**

#### **1. Lãnh đạo Ban Dân tộc**

a) Ban Dân tộc có 01 Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

b) Trưởng ban là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động Ban Dân tộc.

c) Phó Trưởng ban là người giúp Trưởng ban chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công; khi Trưởng ban vắng mặt hoặc khi cần thiết một Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Ban Dân tộc.

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

## 2. Cơ cấu tổ chức

Ban Dân tộc gồm có các phòng chuyên môn như sau:

- a) Văn phòng.
- b) Thanh tra.
- c) Phòng Chính sách Dân tộc.
- d) Phòng Kế hoạch Tổng hợp.
- đ) Phòng Tuyên truyền và Địa bàn.

3. Biên chế công chức của Ban Dân tộc được giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh được cấp có thẩm quyền giao.

## **Điều 4. Chế độ làm việc**

1. Ban Dân tộc làm việc theo chế độ Thủ trưởng; hàng tháng đảm bảo chế độ giao ban nội bộ, hàng quý tổ chức họp giao ban với Phòng Dân tộc cấp huyện, 06 tháng tổ chức sơ kết và hàng năm tổ chức hội nghị tổng kết công tác dân tộc.

2. Căn cứ quy định pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc ban hành quy chế làm việc, chế độ thông tin báo cáo, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện những Quy định này.

## **Chương III MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

### **Điều 5. Quan hệ với Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Dân tộc có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo, điều hành công chức trong việc thực hiện quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thường xuyên báo cáo công tác của Ban với Ủy ban nhân dân tỉnh theo chế độ quy định và báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh khi có yêu cầu.

2. Trước khi tổ chức thực hiện các chủ trương của Ủy ban Dân tộc và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến chương trình kế hoạch chung của tỉnh, Ban Dân tộc phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 6. Quan hệ với Ủy ban Dân tộc**

Ban Dân tộc chấp hành sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc. Tham dự các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Ủy ban Dân tộc triệu tập. Trưởng ban Ban Dân tộc có trách nhiệm báo cáo tình hình công tác dân tộc và cung cấp thông tin tài liệu cho Ủy ban Dân tộc theo chế độ định kỳ và yêu cầu đề xuất. Trong trường hợp sự chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc chưa thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa

phương, Ban Dân tộc có trách nhiệm báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với Ủy ban Dân tộc để thống nhất giải quyết.

### **Điều 7. Quan hệ với các sở, ban, ngành trong tỉnh**

1. Ban Dân tộc tăng cường mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất trên nguyên tắc cộng đồng trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau theo chức năng của cơ quan để hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh và nhiệm vụ riêng của mỗi cơ quan trong công tác chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

2. Ban Dân tộc có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và đề nghị các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan, thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực công tác dân tộc, để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh.

### **Điều 8. Quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Ban Dân tộc có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công tác dân tộc trên địa bàn.

2. Ban Dân tộc có nhiệm vụ hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, các lĩnh vực công tác thuộc chức năng quản lý Nhà nước của Ban Dân tộc đối với Phòng Dân tộc và các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nhằm thực hiện tốt công tác dân tộc trên địa bàn.

### **Điều 9. Quan hệ với các cơ quan, đơn vị của Trung ương và các tỉnh, thành phố có trụ sở đặt tại tỉnh Đồng Nai**

Thực hiện mối quan hệ bình đẳng, cùng trao đổi, bàn bạc để thống nhất với việc giải quyết, thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

## **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10.** Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp cùng Ban Dân tộc thực hiện Quy định này nhằm tạo sự phối hợp đồng bộ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh.

**Điều 11.** Trưởng ban Ban Dân tộc có trách nhiệm triển khai, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung, Trưởng ban Ban Dân tộc thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đình Quốc Thái**